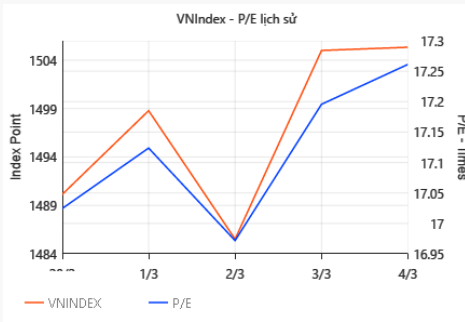


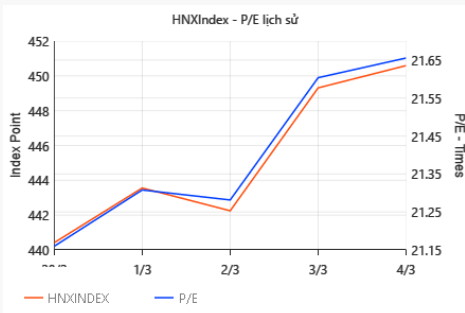


**VN-INDEX**



Điểm số	<b>1,505.33</b>
Tuần qua (WoW)	0.43%
Từ đầu năm (YTD)	0.47%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	1.11%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	3.49%
P/E	17.26
P/B	2.67

**HNX -INDEX**



Điểm số	<b>450.59</b>
Tuần qua (WoW)	2.37%
Từ đầu năm (YTD)	-4.94%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-2.02%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-2.69%
P/E	21.66
P/B	2.49

**TRẠNG THÁI GIẰNG CƠ KÉO DÀI**

**NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC**

Việc thị trường tiếp tục duy trì trạng thái giằng co tại vùng 1.500 tiếp tục đặt ra nhiều kịch bản biến động cho tuần tới. Một mặt, động lực tăng có thể đang dần giảm xuống khi lực cầu đã không xuất hiện tại một số điểm phá vỡ khỏi mức 1,500 của thị trường, một tin tức không khả quan có thể tạo ra 1 nhịp điều chỉnh ngắn hạn do tâm lý yếu của thị trường. Nhưng mặt khác, việc đứng vững trước những nhịp điều chỉnh lớn của thị trường thế giới cũng cho thấy việc dù vẫn thận trọng trước rủi ro lớn trên thị trường thế giới nhưng dòng tiền vẫn tìm tới một số nhóm ngành hưởng lợi do chuỗi cung ứng toàn cầu bị ảnh hưởng do căng thẳng chiến sự. Nổi bật trong tuần qua là cổ phiếu Hoá chất và Thép.

Chúng tôi cho rằng rủi ro vẫn còn với thị trường chung nên nhà đầu tư cần cân nhắc tỷ trọng đối với các mã cổ phiếu cho thấy sự suy yếu và không còn thông tin hỗ trợ.

**CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH**

Thị trường có biến chuyển tích cực hơn một chút, dù vậy thì trạng thái giao dịch cầm chừng vẫn được duy trì. Hành động chủ yếu vẫn nên là theo dõi và cơ cấu lại danh mục, dù cần thiết phải gia tăng tỉ trọng nhưng nếu trạng thái thị trường thay đổi thì việc đó cũng có thể cân nhắc.

**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ**

**Danh mục Nắm giữ:** Bổ sung **BID** vào danh mục nắm giữ.

**Danh mục Giao dịch:** không điều chỉnh trong tuần.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14



**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM**

**Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**

**Kỳ đầu tư: 6-18 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
<b>BID</b>	24/02/22	1	46,000	Mua	55,000	17.0%	27.0%		-5.8%
<b>TCB</b>	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	27.2%		-4.7%
<b>MWG*</b>	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%		12.5%	179.1%
<b>CTG</b>	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	13.4%		-1.4%
<b>TDM</b>	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	7.5%		23.1%
<b>HAH*</b>	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%		30.0%	278.7%
<b>OCB*</b>	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	3.0%		27.7%
<b>VHM*</b>	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%		1.0%	34.1%
<b>SZC*</b>	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%		100.0%	126.9%
<b>DHC*</b>	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%		100.2%	121.8%
<b>ACB*</b>	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%		18.0%	90.6%
<b>VPB*</b>	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		54.8%	171.0%
<b>MBB</b>	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%		4.6%	159.9%
<b>VIB*</b>	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%		47.4%	81.1%
<b>TPB*</b>	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%		64.1%	106.0%
<b>PNJ*</b>	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%		28.3%	108.2%
<b>SBT*</b>	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%		1.8%	33.0%
<b>QNS*</b>	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	18.4%		31.2%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



**Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**

**Kỳ đầu tư: 3-6 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	25,200 – 27,200	45,200	21,100	1:3	6.6%
TNG	24/08/21	25,060 – 26,450	34,780	23,600	1:3	35.0%
SLS	18/08/21	131,000 – 147,000	212,000	125,000	1:3	4.8%
BWE	16/07/21	35,000 – 36,000	45,000	32,900	1:3	37.2%
LAS*	21/06/21	13,000 – 14,000	19,000	11,800	1:2.3	54.3%
ABI*	17/06/21	45,614 – 49,123	65,789	42,982	1:2.7	20.3%
VND*	09/06/21	32,280 – 35,100	50,140	29,460	1:2.7	119.4%
DPG*	31/05/21	27,500 – 28,929	43,571	25,000	1:4	139.6%
GVR	28/05/21	26,300 – 29,500	48,400	23,900	1:3.5	22.0%
BID	28/05/21	36,400 – 38,400	51,600	33,600	1:3	12.8%
SSI*	20/05/21	25,100 – 26,950	35,250	23,100	1:2	72.9%
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000	1:3.5	9.3%
BSR*	11/05/21	14,900 – 16,100	22,000	13,600	1:2.3	72.7%
SMC*	11/05/21	34,800 – 37,500	50,000	31,000	1:2	11.1%
BCG*	12/04/21	13,200 – 13,600	17,533	12,333	1:3	83.8%
GMD*	07/04/21	33,800 – 35,000	53,800	32,700	1:5	57.1%
STB*	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	52.4%
TTF*	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	109.3%
VIC*	26/03/21	96,900 – 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-22.0%
VCB	18/03/21	74,530 – 76,250	97,000	72,700	1:6	11.3%
GEG	08/03/21	16,550 – 17,650	25,700	15,455	1:4	50.4%
FCN	08/03/21	13,700 – 14,700	21,700	13,100	1:4.5	75.5%
PVD	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900	1:4	37.6%
TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	204.0%
GAS*	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	41.3%
CNG*	17/02/21	19,900 – 21,000	29,500	18,600	1:3.5	81.4%
CCL*	17/02/21	10,000 – 11,000	18,000	8,700	1:3	54.5%
SAM*	17/02/21	10,730 – 11,590	21,555	9,770	1:5	73.4%
LAF*	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	61.4%
VSH*	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	44.7%
MSR*	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	37.6%
SFI*	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	140.3%
PGV*	23/11/20	13,810 – 14,762	23,810	12,571	1:4	150.6%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	254.9%
DRI*	20/10/20	4,430 – 4,930	9,930	3,630	1:4	242.8%



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

### TRONG NƯỚC

Thị trường tiếp tục có 1 tuần biến động nhưng không thay đổi quá nhiều khi VN-Index vẫn đang đi ngang với biên độ hẹp, chỉ số dẫn dắt chính vẫn là VN-Smallcap với đà tăng 3.9% trong tuần.

HPG, GVR là hai trụ nổi bật dẫn dắt thị trường thoát khỏi sức ì của nhóm Ngân hàng.

Nhóm tăng mạnh nhất trong tuần qua là Than với rất nhiều mã tăng 20-30% đi theo diễn biến tăng mạnh của giá than quốc tế và thông tin Thủ tướng đã phê duyệt kế hoạch xuất khẩu Than tối đa 2 triệu tấn, tăng khoảng nửa triệu tấn so với 2021. Tuy nhiên như đã lưu ý rất nhiều trước đây, các doanh nghiệp than trên sàn là nhóm thuộc Tập đoàn Than – Khoáng sản. Do vậy biên lợi nhuận được định biên sẽ không tăng theo giá thế giới trong khi sản lượng được giao cố định, rất khó có đột biến.

Nhóm Thép và Tôn mạ ngược lại khi việc giá thép thế giới quay lại đà tăng sẽ có tác động trực tiếp. NKG, HSG và cả HPG đều tăng ở mức khá tích cực trong tuần.

Cổ phiếu Phân bón DCM, DPM cùng với Hoá chất DGC cũng nằm trong nhóm tăng giá theo đà của thị trường thế giới. Việc Nga quyết định ngừng xuất khẩu phân bón sẽ càng làm cho cán cân cung cầu bị lệch đi và giá sẽ tiếp tục tăng.

Những tương tháng 2 sẽ chứng kiến khối ngoại đảo chiều sang mua ròng thì lực bán lớn ngày cuối cùng tháng 2 xoá đi hết vị thế mua ròng trước đó để lập nên chuỗi 10 tháng bán ròng liên tiếp. Dù sao điểm tích cực là giá trị bán ròng cũng đã liên tục thu hẹp trong 4 tháng gần đây và tiến sát tới điểm đảo chiều.

### QUỐC TẾ

Các thị trường Châu Âu đã chao đảo rất mạnh trong tuần khi Euro Stoxx 50, CAC 40 và DAX đều có mức giảm trên 10%, tiếp sau là FTSE 100 của Anh với mức giảm 6.7%. Áp lực lạm phát kỷ lục, sự phục hồi bị đình trệ vì nỗi lo xung đột theo thang giữa châu Âu và Nga đang là khiến cho viễn cảnh kinh tế của châu Âu đang thực sự đáng ngại. Ngoài ra, như một động thái đáp trả, Nga khoá đường ống cung cấp khí đốt sang châu Âu, bài toán tìm nguồn năng lượng thay thế cho nguồn cung từ Nga không hề đơn giản và chắc chắn sẽ tiếp tục đẩy mức giá lên cao.

Dầu mỏ lập đỉnh khi Nga chịu cấm vận và gần như không thể bán dầu ra ngoài trong khi OPEC quyết định chưa tăng sản lượng. Giá dầu Brent đã vượt qua ngưỡng 118 \$/thùng lần đầu tiên kể từ 2008.

Tài sản trú ẩn rủi ro là Vàng gần cũng đã lấy lại đà tăng để về vùng đỉnh 2,000 \$/oz.



**VN-INDEX**



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

**Nhận định**

VNINDEX có tuần tăng nhẹ 0.4%, mở cửa tuần sát tham chiếu và cao hơn đáng kể so với mức thấp nhất tuần, đóng cửa tuần cao hơn mở cửa và sát mức cao nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần cao hơn một chút so với tuần liền trước và ở mức trung bình.

Về diễn biến cụ thể thì sau ba ngày đầu tuần tiếp tục chủ đạo là dao động ở vùng điểm 1,480 – 1,490, VNINDEX đã bật lên vào ngày thứ năm và đóng cửa ở mức cao nhất ngày, mức tăng khá và khối lượng giao dịch cũng có thể gọi là tốt, tuy nhiên đến ngày thứ sáu cuối tuần thì biên độ dao động đã bị thu hẹp lại trở thành rất nhỏ, dù khối lượng không suy giảm quá nhiều.

Điều đáng kể duy nhất là chúng ta có diễn biến về cuối tuần là theo chiều hướng tích cực cùng với khối lượng giao dịch được duy trì ở mức tốt. Vùng điểm hiện tại đang là vùng hỗ trợ mạnh của VNINDEX và cũng đã là tuần thứ hai liên tiếp khối lượng giao dịch cả tuần được duy trì ở mức tốt. Sự tích lũy có thể thấy khá rõ ràng, nhưng để thị trường có thể tăng trở lại thì lực mua giá thấp sẽ phải chuyển thành lực mua giá cao.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,480 – 1,490
Kháng cự	1,590 – 1,600



## THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

### 1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

#### Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

#### Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

#### Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

#### Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

### 2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

#### Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



**FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA**

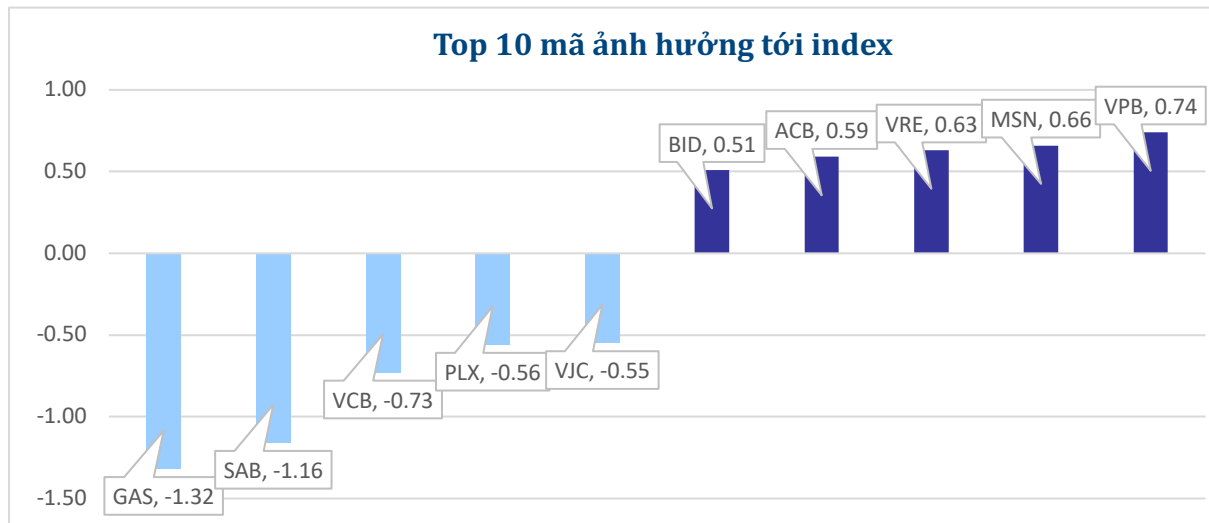
**BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN**

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,505.33	0.02%	0.33	928.92	29,580.9	256	64	182
Vn30 - Index	1,525.34	0.19%	2.85	248.37	11,302.1	14	2	14
Vn - Mid	2,177.96	0.28%	6.06	299.44	10,495.5	37	10	23
VN - Small	2,164.93	0.98%	21.05	232.87	5,561.9	121	28	79
HNX - Index	451.10	0.40%	1.79	123.18	3,404.9	145	100	96
Upcom - Index	113.30	0.10%	0.11	125.43	1,769.9	280	98	150

**THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN**

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	29,580.90	-1.93%	928.92	-0.03%
HNX	3,404.90	-7.14%	123.18	0.74%

**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN**



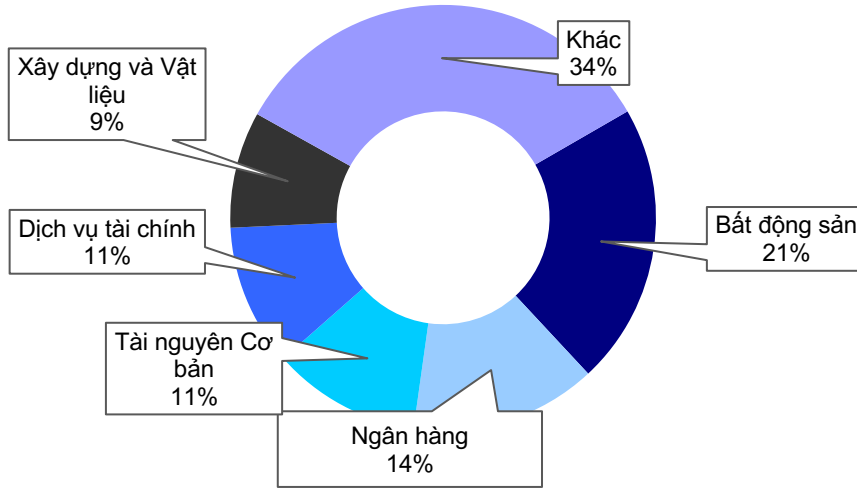
Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)	Top GTGD (tỷ đồng)	Độ biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)	Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)
VPB 47.25	VPB 1,804.4	VSC 550%	DPG 6.9%	PVS -3.2%
HAG 35.34	HPG 1,680.7	VOS 321%	HAG 6.7%	HSG -3.1%
HPG 33.38	SSI 961.0	HNG 204%	HNG 5.9%	PLX -2.7%
ITA 26.19	HSG 651.8	IJC 202%	VOS 5.3%	TNG -2.7%
HNG 25.87	GEX 616.3	ITA 201%	LCG 4.9%	PVD -2.5%



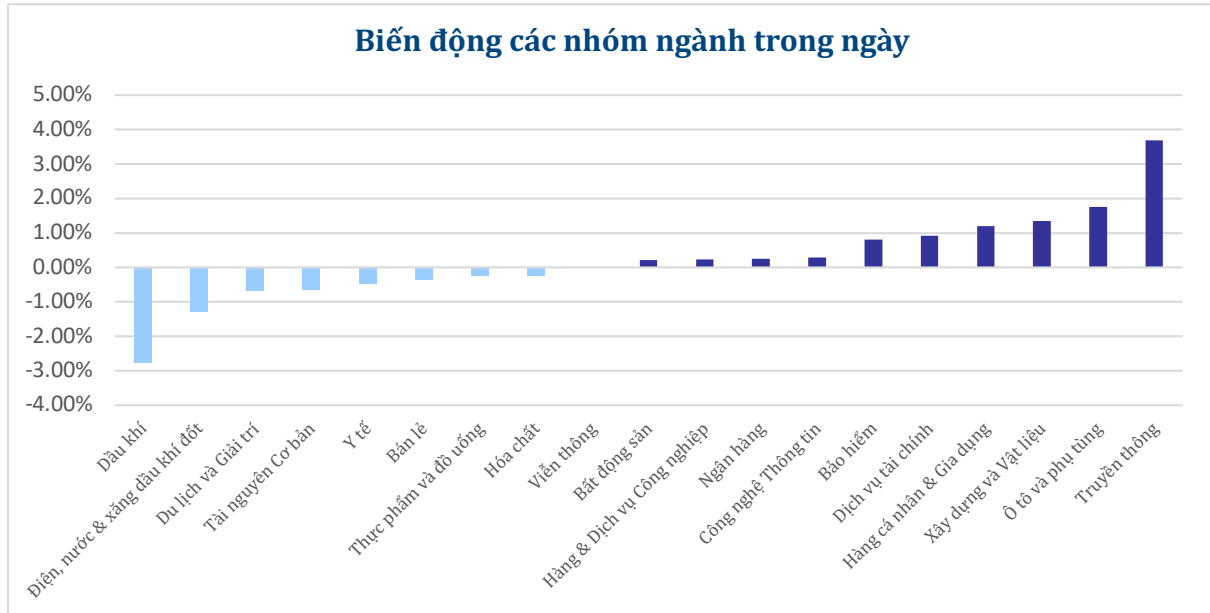


## NHÓM NGÀNH

### Thanh khoản ngành trong ngày



### Biến động các nhóm ngành trong ngày

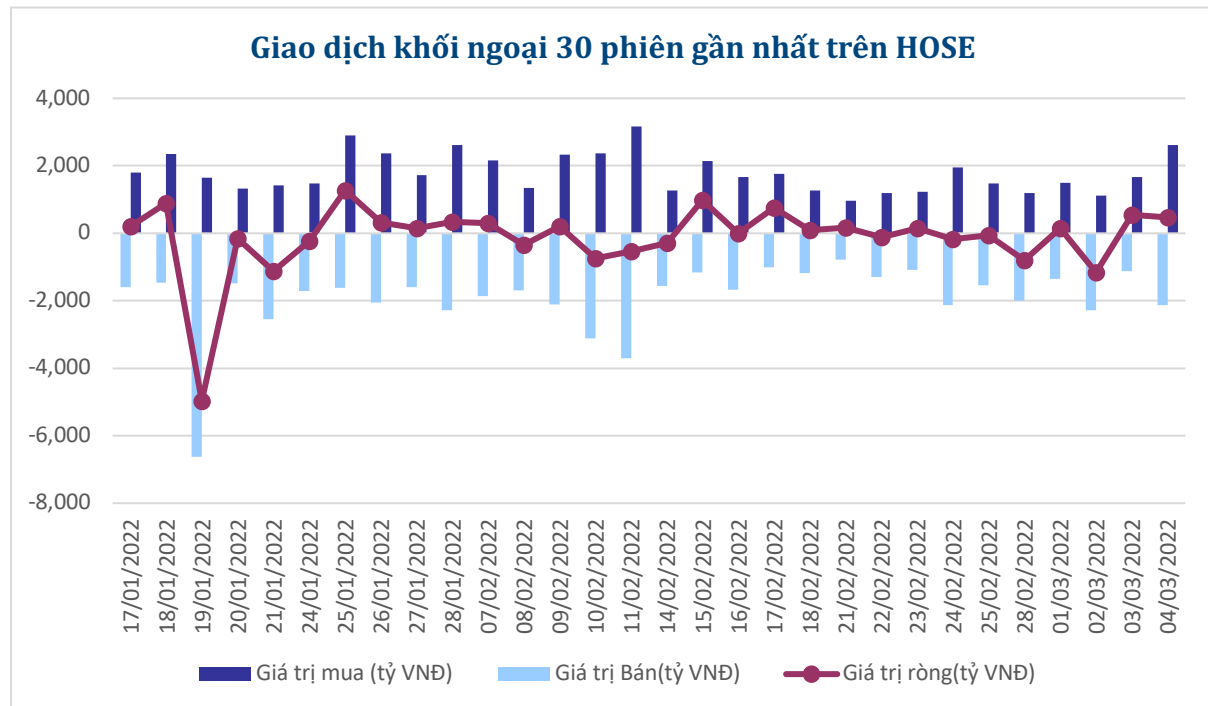




**GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI**

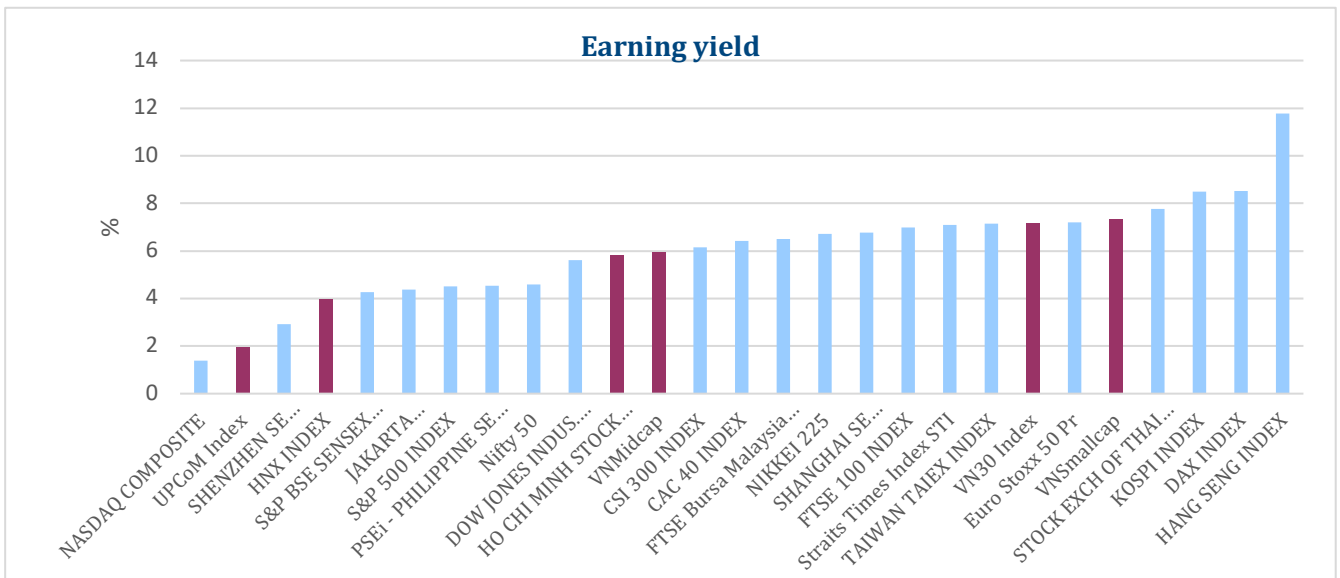
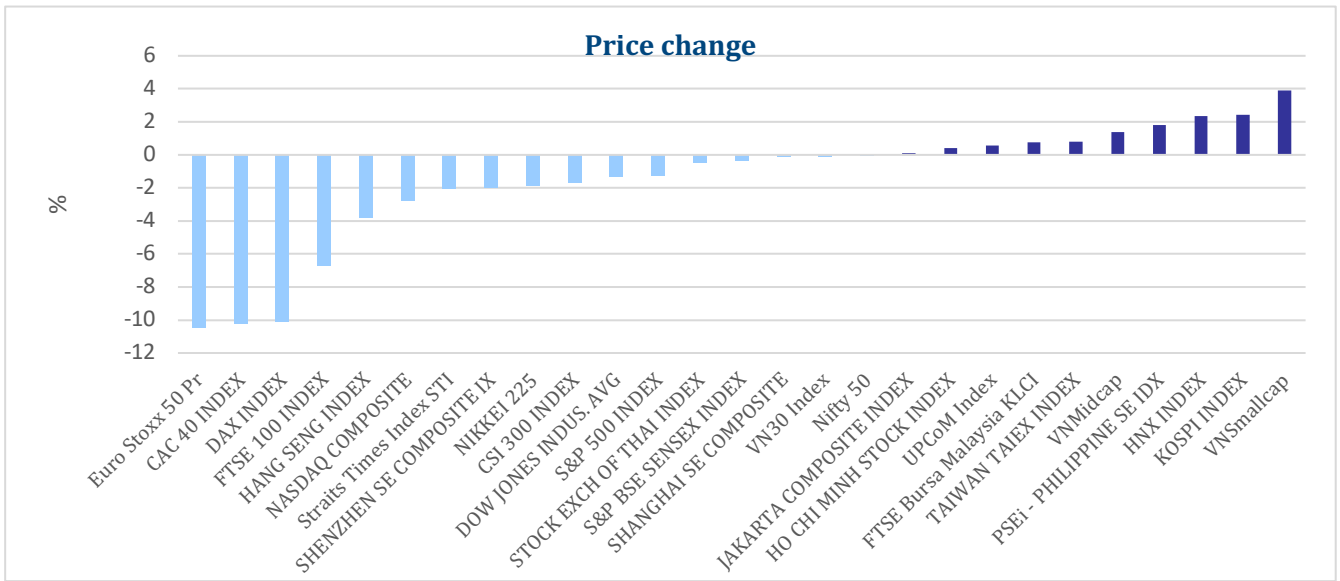
Trên HOSE mua ròng 475.019 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 1.07 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
VPB	891.17	HPG	250.50
MSN	72.30	NLG	99.68
PNJ	69.62	VNM	70.26
DXG	65.67	VRE	61.24
DCM	65.08	VHM	46.78

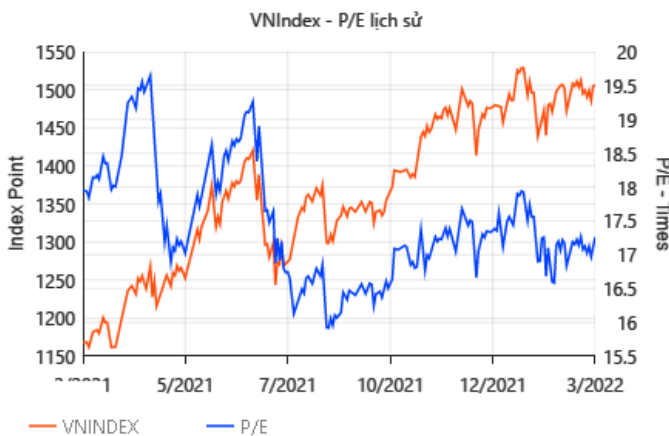




**BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN**

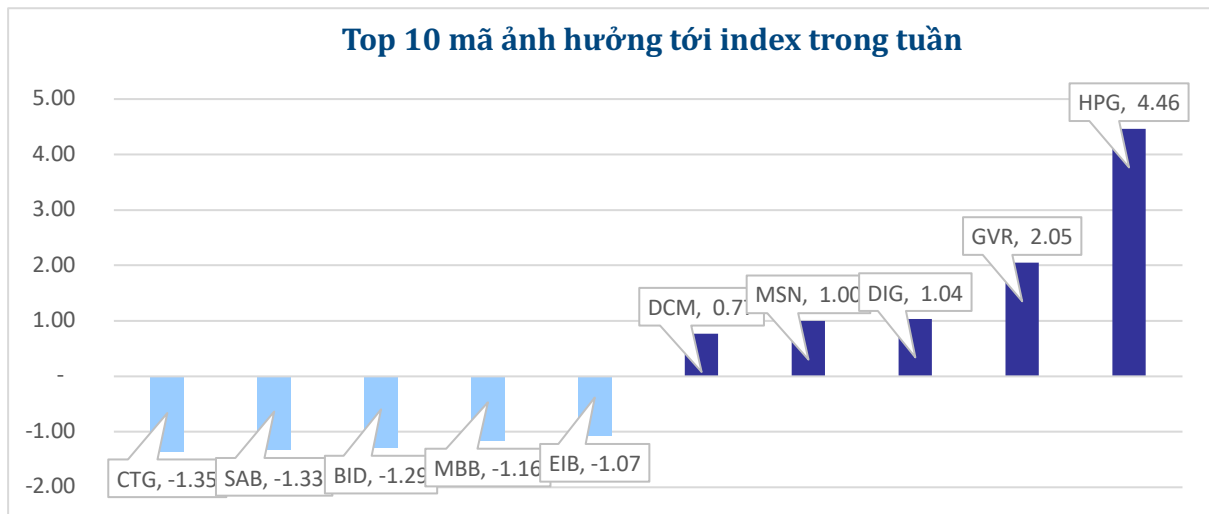


**ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)**



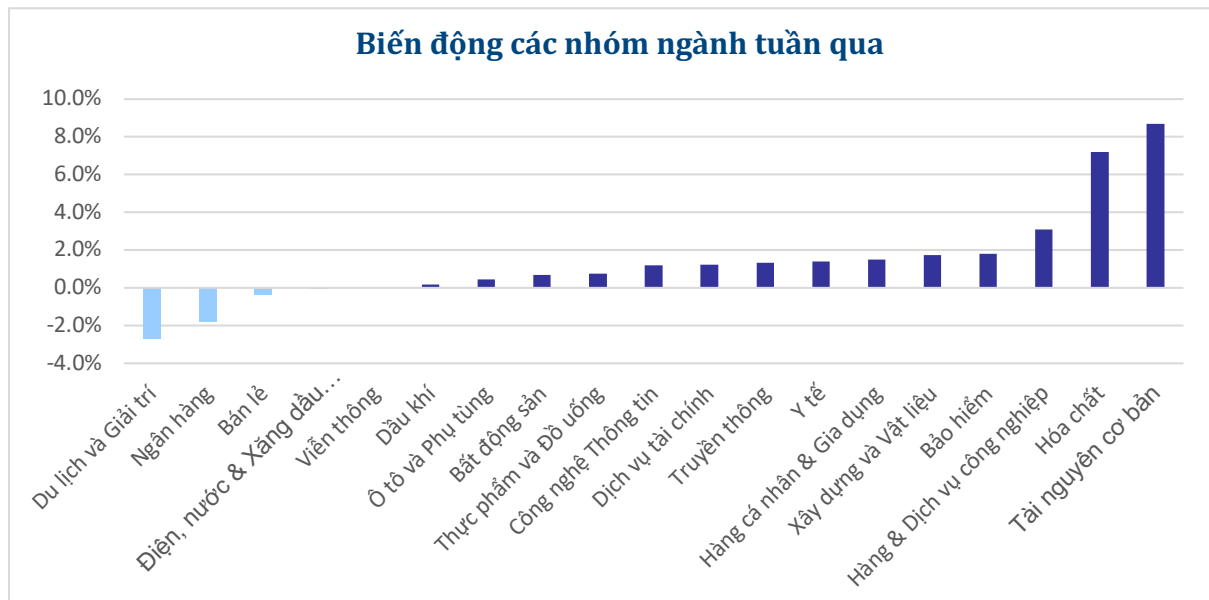


**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA**



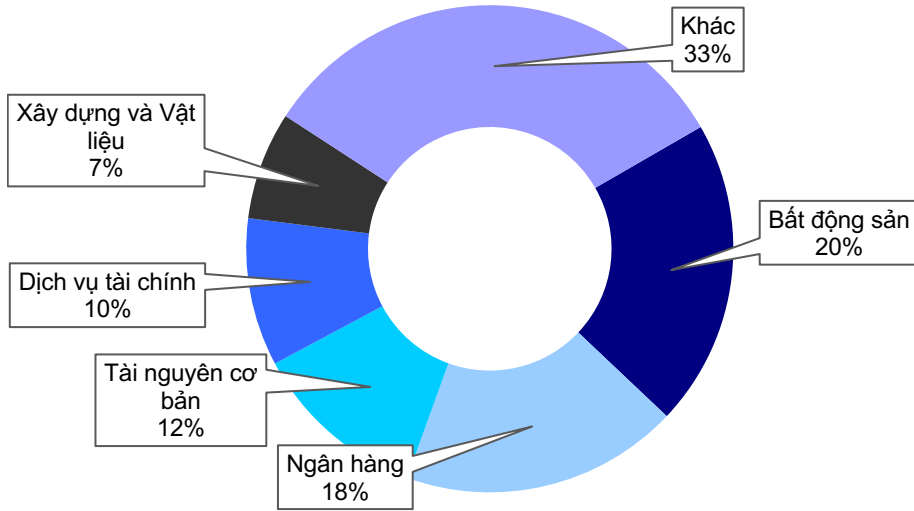
Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
HPG	37.6	HPG	1,820.9	TDN	4.65x	OGC	37.7%	EIB	-9.7%
VPB	26.9	VPB	1,014.9	THT	4.28x	PVC	34.0%	CTD	-5.5%
MBB	24.4	MBB	808.0	TVD	4.16x	TC6	29.9%	EVG	-5.2%
STB	22.3	HSG	744.9	TC6	4.09x	NBC	28.7%	SAB	-4.8%
HAG	21.8	STB	717.2	NSH	3.62x	VOS	25.2%	TNA	-4.7%

**NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN**





### Đóng góp thanh khoản trong tuần

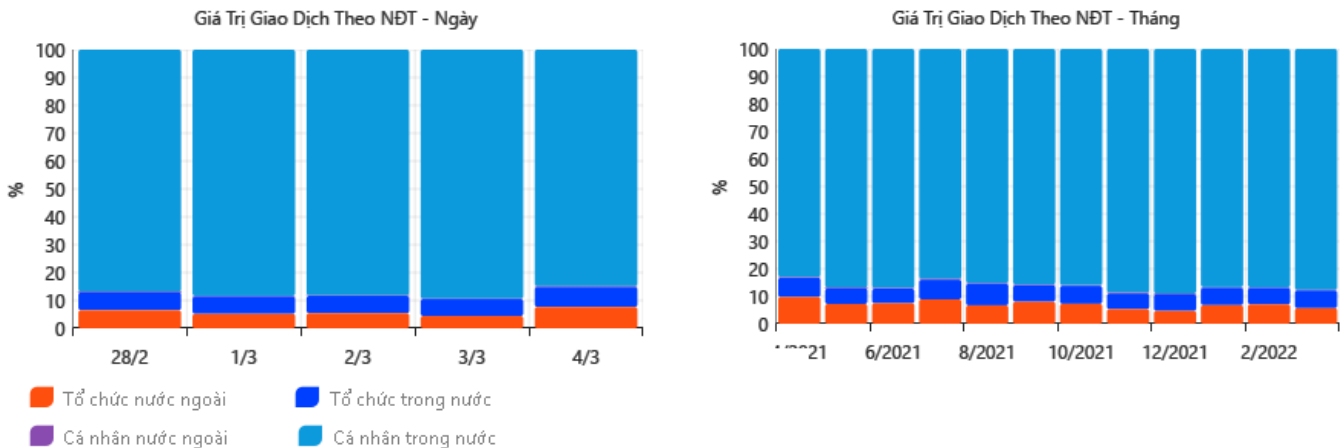


### ĐÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

#### GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

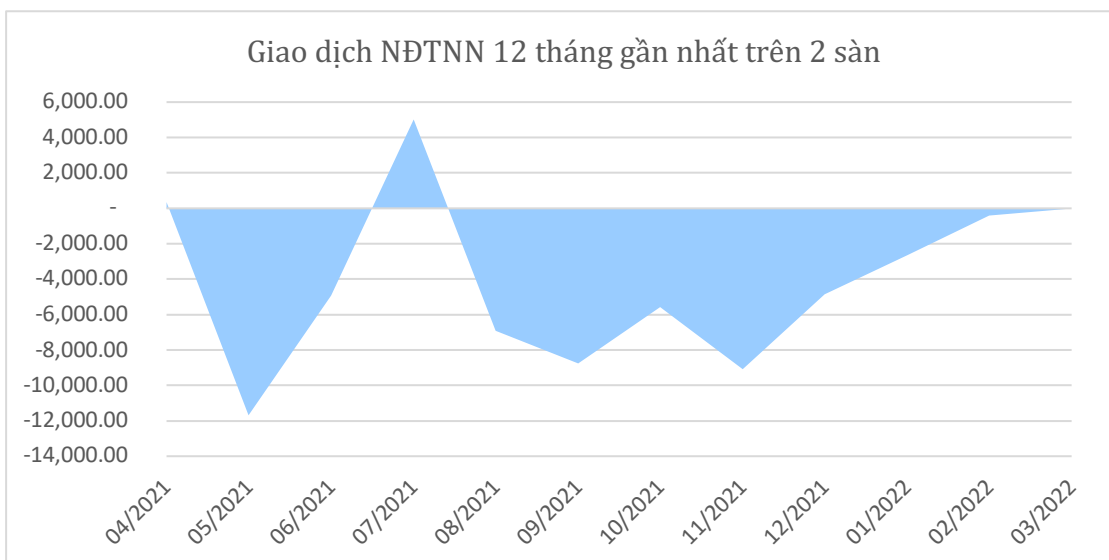
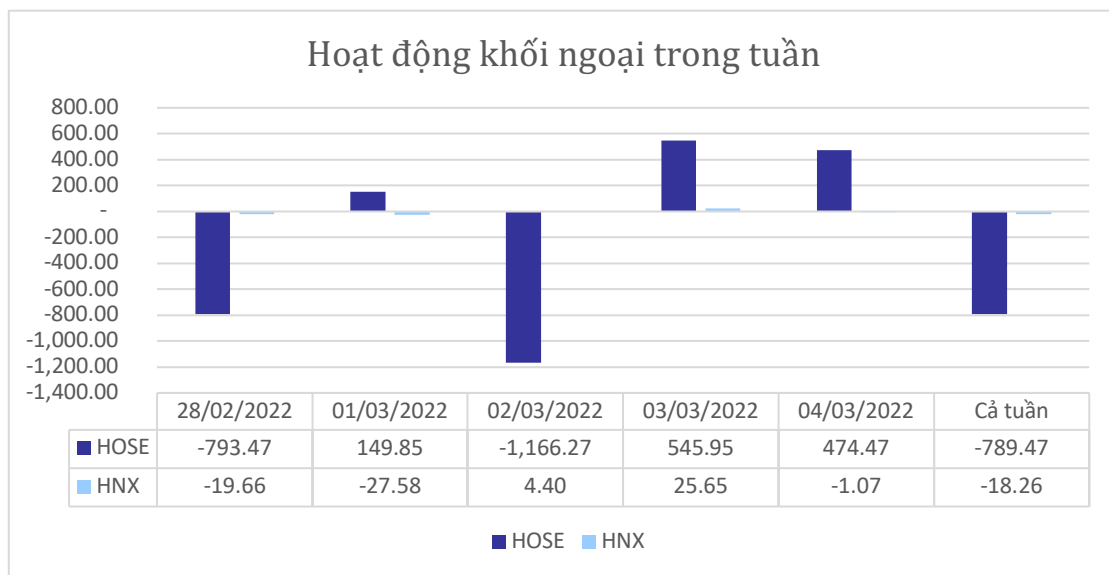
Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	8.50%	15,391.8	HPG	8.50%	3,309.4
VPB	-0.26%	8,665.5	VPB	-0.26%	2,810.1
MBB	-3.52%	7,498.0	DGC	9.77%	1,511.9
HSG	13.81%	7,091.6	FUEVFNVD	-3.05%	1,407.2
NKG	18.04%	6,353.5	STB	-3.03%	1,259.1

#### Tỷ trọng giao dịch



**KHỐI NGOẠI**

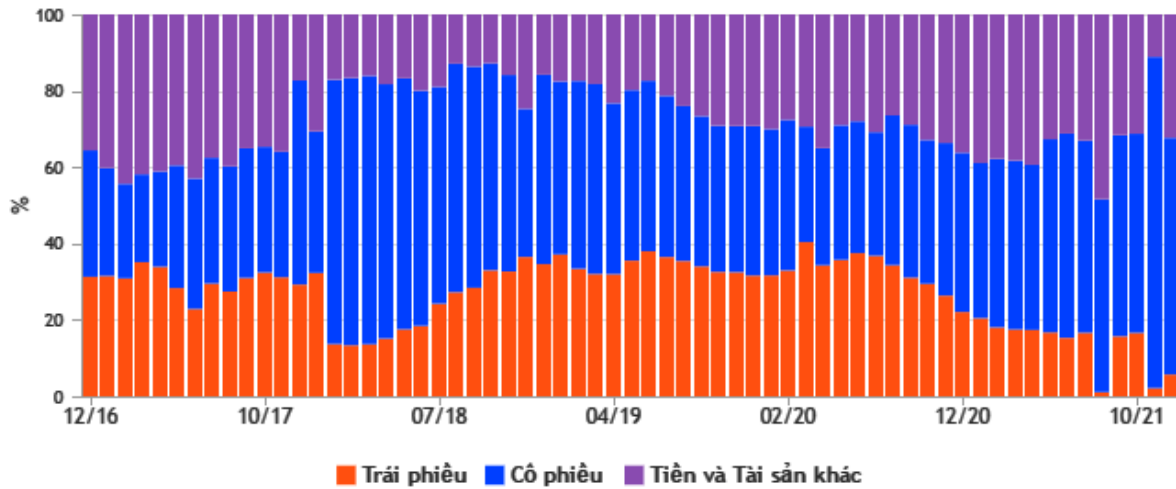
Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
VPB	-0.26%	839.67	HPG	8.50%	956.66
FUEVFVND	-3.05%	444.54	VIC	-0.13%	329.95
DGC	9.77%	175.65	CTG	-3.25%	288.81
DCM	16.47%	129.45	HDB	-4.27%	275.16
STB	-3.03%	100.58	GAS	0.68%	142.26



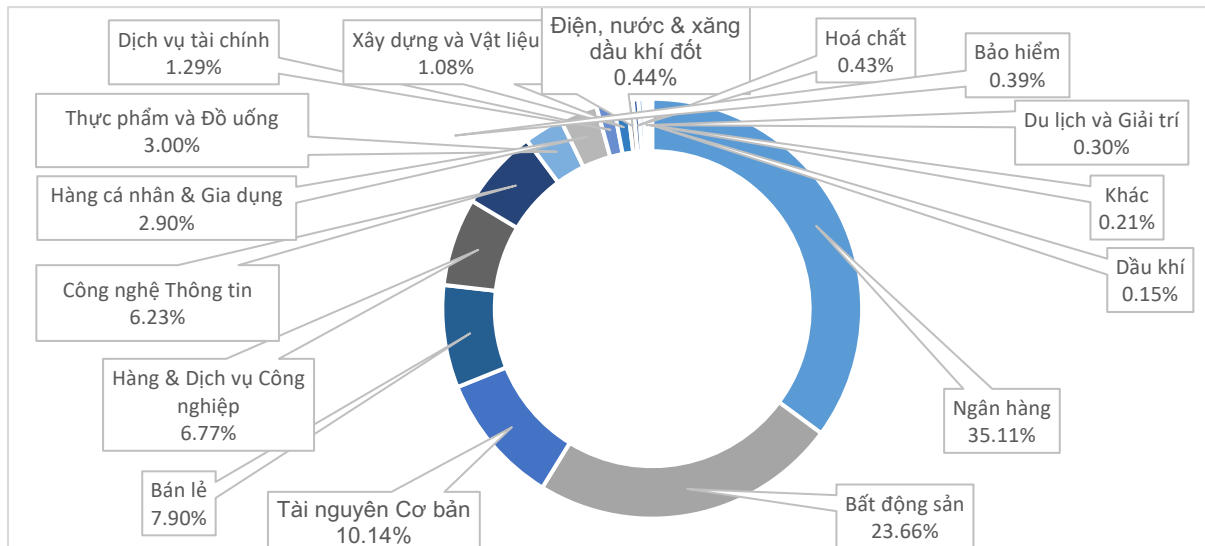


**TỔ CHỨC (do finrpo platform theo dõi)**

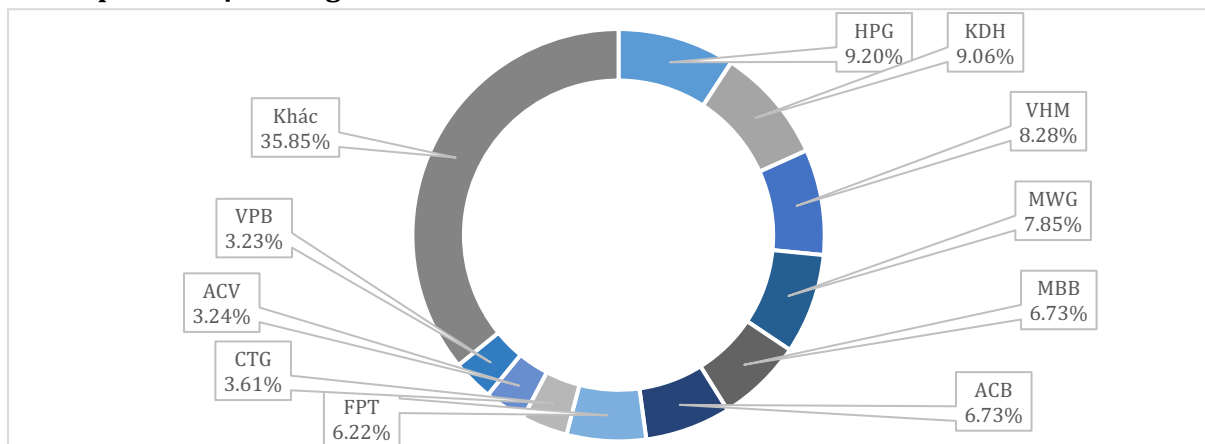
**Phân bổ tài sản**



**Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành**



**Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất**





**LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI**

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIẾN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
D11	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	07/03/22	08/03/22	07/03/22
SPV	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	07/03/22	08/03/22	07/03/22
ACG	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp), bán ưu đãi (tỷ lệ 5%)	07/03/22	08/03/22	21/03/22
SDV	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	07/03/22	08/03/22	07/03/22
SKV	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	07/03/22	08/03/22	07/03/22
HGM	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	07/03/22	08/03/22	07/03/22
DHT	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	07/03/22	08/03/22	07/03/22
HTK	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	07/03/22	08/03/22	07/03/22
PCF	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	07/03/22	08/03/22	07/03/22
PPY	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	07/03/22	08/03/22	07/03/22
ALV	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	07/03/22	08/03/22	07/03/22
HPB	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	07/03/22	08/03/22	07/03/22
THI	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	07/03/22	08/03/22	07/03/22
HHS	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	07/03/22	08/03/22	12/04/22
HBD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	07/03/22	08/03/22	07/03/22
DAN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	07/03/22	08/03/22	07/03/22
PNJ	HSX	ĐHĐCĐ TN 2022 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 (600 đ/cp)	07/03/22	08/03/22	07/04/22
DDN	Upcom	Giao dịch 1.819.841 cổ phiếu niêm yết bổ sung	07/03/22	07/03/22	07/03/22
DCF	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	07/03/22	08/03/22	07/03/22
HEV	HNX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, trả cổ tức bằng tiền mặt (1.400 đ/cp)	07/03/22	08/03/22	31/03/22
TQW	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	07/03/22	08/03/22	07/03/22
TNS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	07/03/22	08/03/22	07/03/22
BVB	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	07/03/22	08/03/22	07/03/22
HDA	HNX	Bán ưu đãi (tỷ lệ 1:1)	07/03/22	08/03/22	07/03/22
FRT	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	08/03/22	09/03/22	15/04/22
LDG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	08/03/22	09/03/22	08/03/22
VE4	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	08/03/22	09/03/22	08/03/22
BSD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	08/03/22	09/03/22	08/03/22
GAS	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	08/03/22	09/03/22	15/04/22
PTB	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	08/03/22	09/03/22	08/03/22
GEE	Upcom	Giao dịch 300.000.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch	08/03/22	08/03/22	08/03/22
TLD	HSX	Giao dịch 2.796.214 cp niêm yết bổ sung		08/03/22	08/03/22
GAB	HSX	Giao dịch 1.103.987 cp niêm yết bổ sung			08/03/22
RBC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	08/03/22	09/03/22	08/03/22
GMH	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	08/03/22	09/03/22	04/04/22
PCM	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	08/03/22	09/03/22	08/03/22
PMS	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	08/03/22	09/03/22	08/03/22
HAX	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	08/03/22	09/03/22	09/04/22





MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
BAX	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	08/03/22	09/03/22	08/03/22
MSB	HSX	Thực hiện quyền ứng cử, đề cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ VII	08/03/22	09/03/22	08/03/22
CDR	Upcom	Giao dịch 533.271 cổ phiếu niêm yết bổ sung	08/03/22	08/03/22	08/03/22
SHB	HSX	Giao dịch 539.154.742 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)			08/03/22
DND	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
BSL	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
BHT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
DXG	HSX	Thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	09/03/22	10/03/22	09/03/22
VPG	HSX	Giao dịch 29.788.240 cp niêm yết bổ sung			09/03/22
DNL	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
PEN	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
VTV	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
CAV	HSX	ĐHCD thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
IDI	HSX	ĐHĐCD thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
VC6	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
DAT	HSX	ĐHĐCD thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
HPX	HSX	ĐHĐCD thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
KMT	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
SSH	Upcom	Giao dịch 125.000.000 cổ phiếu niêm yết bổ sung	09/03/22	09/03/22	09/03/22
DSG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
TPP	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
PJS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
BST	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
TSG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
HUT	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
APG	HSX	ĐHĐCD thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/04/22
VCF	HSX	ĐHCD thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
KSD	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
PIA	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
SJE	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
PGB	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
XMD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
FHN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
DDN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/03/22	10/03/22	09/03/22
VPG	HSX	ĐHCD thường niên năm 2022	10/03/22	11/03/22	19/04/22
BAB	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	10/03/22	11/03/22	10/03/22
HTR	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	10/03/22	11/03/22	10/03/22
VNX	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	10/03/22	11/03/22	10/03/22
SNC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	10/03/22	11/03/22	10/03/22
VND	HSX	Bán ưu đãi (tỷ lệ 1:1), thưởng cp (tỷ lệ 100:80)	10/03/22	11/03/22	10/03/22
ASM	HSX	Giao dịch 77.658.903 cp niêm yết bổ sung			10/03/22
PSD	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500 đ/cp)	10/03/22	11/03/22	28/03/22



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
IDP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	10/03/22	11/03/22	10/03/22
VC7	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	10/03/22	11/03/22	10/03/22
BPW	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	10/03/22	11/03/22	10/03/22
BBT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	10/03/22	11/03/22	10/03/22
NAC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	10/03/22	11/03/22	10/03/22
HNA	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	10/03/22	11/03/22	10/03/22
SED	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	10/03/22	11/03/22	10/03/22
MCG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022			10/03/22
AGG	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	10/03/22	11/03/22	15/04/22
NRC	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	10/03/22	11/03/22	10/03/22
CVT	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	11/03/22	14/03/22	11/03/22
TDP	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	11/03/22	14/03/22	11/03/22
PEG	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	11/03/22	14/03/22	11/03/22
LTG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	11/03/22	14/03/22	11/03/22
SSM	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	11/03/22	14/03/22	11/03/22
HAM	Upcom	Đã phát hành 300.000 cổ phiếu ESOP	11/03/22	11/03/22	11/03/22
SRA	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	11/03/22	14/03/22	11/03/22
HHR	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	11/03/22	14/03/22	11/03/22
CPH	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	11/03/22	14/03/22	11/03/22
TCD	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	11/03/22	14/03/22	14/04/22
TVD	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	11/03/22	14/03/22	11/03/22
DXS	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	11/03/22	14/03/22	11/03/22
PGC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	11/03/22	14/03/22	14/04/22
APF	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	11/03/22	14/03/22	11/03/22
NDN	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000 đ/cp)	11/03/22	14/03/22	04/04/22
VC9	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	11/03/22	14/03/22	11/03/22
SZL	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	11/03/22	14/03/22	11/03/22
LCG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	11/03/22	14/03/22	16/04/22
TTE	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	11/03/22	14/03/22	11/03/22
NXT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	11/03/22	14/03/22	11/03/22
CSI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	11/03/22	14/03/22	11/03/22
SDY	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	11/03/22	14/03/22	11/03/22
S99	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	11/03/22	14/03/22	11/03/22
PMB	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	11/03/22	14/03/22	11/03/22
NBE	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, trả cổ tức bằng tiền mặt (1.100đ/cp)	11/03/22	14/03/22	11/03/22
GDT	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2021			12/03/22



**XẾP HẠNG CỔ PHIẾU**

Chỉ số tham chiếu: VN – Index.

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Khuyến nghị	Định nghĩa
<b>Mua</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq$ 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Tích lũy</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
<b>Giảm tỷ trọng</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
<b>Bán</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

**XẾP HẠNG NGÀNH**

Chỉ số tham chiếu: VN – Index

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Xếp loại	Định nghĩa
<b>Vượt trội</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
<b>Kém hiệu quả</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

**KHUYẾN CÁO**

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

**IVS RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY**

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
<b>Võ Thế Vinh</b>	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	<a href="mailto:vinhvt@gtjas.com.vn">vinhvt@gtjas.com.vn</a>	701
<b>Đỗ Trung Nguyên</b>	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	<a href="mailto:nguyendt@gtjas.com.vn">nguyendt@gtjas.com.vn</a>	702
<b>Trần Thị Hồng Nhung</b>	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	<a href="mailto:nhungtth@gtjas.com.vn">nhungtth@gtjas.com.vn</a>	703
<b>Đinh Quang Đạt</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	<a href="mailto:datdq@gtjas.com.vn">datdq@gtjas.com.vn</a>	222
<b>Phí Công Linh</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	<a href="mailto:linhpc@gtjas.com.vn">linhpc@gtjas.com.vn</a>	704
<b>Trần Thị Diệu Khánh</b>	Trợ lý Phân tích	Biên – Phiên dịch	<a href="mailto:khanhttd@gtjas.com.vn">khanhttd@gtjas.com.vn</a>	705

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: <a href="mailto:ivs@gtjas.com.vn">ivs@gtjas.com.vn</a> Website: <a href="http://www.gtjai.com.vn">www.gtjai.com.vn</a>	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696